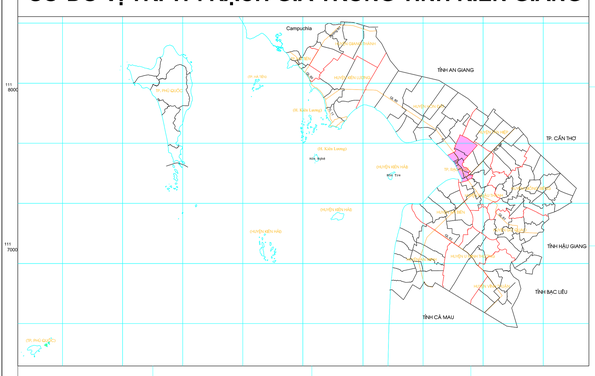
BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ TP. RẠCH GIÁ TRONG TỈNH KIÊN GIANG



HUYỆN TÂN HIỆP

HUYỆN HÒN ĐẤT

HUYỆN CHÂU THÀNH

VỊNH RẠCH GIÁ

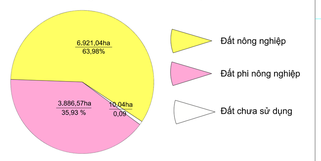
HUYỆN CHÂU THÀNH

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU			TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU			CÁC KÝ HIỆU KHÁC		
	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH			HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH		TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU	
		CẤP TRÊN PHÂN BỔ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH			CẤP TRÊN PHÂN BỔ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Đất trồng lúa	LUA	mã HT 10.LUA	mã HT 20.LUA	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	mã HT 10.DTT	mã HT 20.DTT	UBND cấp huyện		
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	mã HT 10.LUC	mã HT 20.LUC	Đất năng lượng	DNL	mã HT 10.DNL	mã HT 20.DNL	UBND cấp xã		
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		mã HT 20.HNK	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	mã HT 10.DBV	mã HT 20.DBV	Đình, chùa, miếu, đền		
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT 10.CLN	mã HT 20.CLN	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	mã HT 10.DDT		Nhà thờ		
Đất rừng phòng hộ	RPH	mã HT 10.RPH	mã HT 20.RPH	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	mã HT 10.DDL	mã HT 20.DDL	Đài phát thanh, truyền hình		
Đất rừng đặc dụng	RDD	mã HT 10.RDD	mã HT 20.RDD	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	mã HT 10.DRA	mã HT 20.DRA	Sân vận động	SVĐ	SVĐ
Đất rừng sản xuất	RSX	mã HT 10.RSX	mã HT 20.RSX	Đất cơ sở tôn giáo	TON	mã HT 10.TON		Trường học		
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	mã HT 10.NTS	mã HT 20.NTS	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	mã HT 10.NTD	mã HT 20.NTD	Bệnh viện, trạm y tế		
Đất nông nghiệp khác	NKH		mã HT 20.NKH	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	mã HT 10.DKH	mã HT 20.DKH	Bưu điện		
Đất quốc phòng	CQP	mã HT 10.CQP		Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	mã HT 10.DXH	mã HT 20.DXH	Chợ		
Đất an ninh	CAN	mã HT 10.CAN		Đất chợ	DCH	mã HT 10.DCH	mã HT 20.DCH	Cầu bê tông		
Đất khu công nghiệp	SKK	mã HT 10.SKK		Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		mã HT 20.DSH	Cầu sắt		
Đất cụm công nghiệp	SKN	mã HT 10.SKN		Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV		mã HT 20.DKV	Đường giao thông		
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	mã HT 10.TMD	mã HT 20.TMD	Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT 10.ONT	mã HT 20.ONT	Đường điện cao thế		
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT 10.SKC	mã HT 20.SKC	Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT 10.ODT		Hồ, ao, sông, suối		
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	mã HT 10.SKS	mã HT 20.SKS	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT 10.TSC	mã HT 20.TSC	Kênh mương		
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		mã HT 20.SKX	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	mã HT 10.DTS	mã HT 20.DTS	Ranh giới đất đô thị		
Đất giao thông	DGT	mã HT 10.DGT	mã HT 20.DGT	Đất có sở tín ngưỡng	TIN		mã HT 20.TIN	Ranh giới đất khu du lịch		
Đất thủy lợi	DTL	mã HT 10.DTL	mã HT 20.DTL	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		mã HT 20.SON	Ranh giới đất khu dân cư nông thôn		
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	mã HT 10.DVH	mã HT 20.DVH	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		mã HT 20.MNC	Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất - Năm... - Năm kế hoạch - DT - Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	mã HT	mã HT DT
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	mã HT 10.DYT	mã HT 20.DYT	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		mã HT 20.PNK			
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	mã HT 10.DGD	mã HT 20.DGD	Đất chưa sử dụng	CSD	CSD				

CƠ CẤU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐẾN NĂM 2024

(Tổng diện tích tự nhiên 10.817,65ha)



UBND TỈNH KIÊN GIANG	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ	CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN KIÊN GIANG
Kiên Giang, ngày tháng năm 20...	*Kiên Giang, ngày tháng năm 20...*	*Rạch Giá, ngày tháng năm 20....*	*Kiên Giang, ngày tháng năm 20....*
CHỦ TỊCH	**GIÁM ĐỐC**	**CHỦ TỊCH**	**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tỷ lệ 1:10.000

NGUỒN TÀI LIỆU :
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất của thành phố Rạch Giá qua các thời kỳ
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020; 2021
- Trích đo, trích lục địa chính toạ độ vn2000;
- Bản đồ đo đạc địa chính.

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG:
- Công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang
- Địa chỉ: số 738 đường Nguyễn Trung Trực, P. An Hòa, Tp.Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 0297.3920497 - Fax: 0297.3920497